TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Sô P, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn H, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bà Thạch Thị Sô P là nguyên đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Bà và ông H quen biết yêu thương tim hiểu nhau, sau đó cả hai tự nguyện đi đến kết hôn và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán; vào năm 2001 đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chung số có 02 con chung tên Lâm Hồng Â, sinh ngày 16/7/2003 và Lâm Mai P1, sinh ngày 02/11/2008. Sau khi cưới nhau, cả hai chúng sống với cha mẹ; trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cải, không tìm được tiếng nói chung, trái quan điểm nhau, ông

H thường xuyên nói xấu bà khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Suốt thời gian chung sống bà Sô P âm thầm lo cho gia đình và chăm sóc các con. Đến năm 2015 ông H bị bệnh nặng nằm một chỗ trong thời gian dài một mình bà phải vừa lo tiền thuốc thang cho ông H và lo cho con đi học; khi ông H khỏe mạnh vẫn kiếm chuyện nói xấu bà. Hiện bà và ông H vẫn còn sống chung nhà. Nay bà Sô P yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Sô P yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Sô P yêu cầu nuôi con chung Lâm Mai P1, sinh ngày 02/11/2008 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, còn con chung tên Lâm Hồng Â, sinh ngày 16/7/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về chia tài chung: Không tranh chấp nên không không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Lâm Văn H là bị đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà Sô P về thời điểm chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo ông thì giữa ông và bà Sô P không có mâu thuẫn gì lớn mà đôi lúc chỉ cải vã vài chuyện nhà thôi và hiện nay ông bị bệnh tai biến.

Nay ông không đồng ý ly hôn với bà Sô P do vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên xin được đoàn tụ lại; do ông còn thương vợ và mong muốn cho các con có đủ cha và mẹ. Nếu phải ly hôn thì ông thống nhất giao con tên Lâm Mai P1, sinh ngày 02/11/2008 bà Sô P nuôi dưỡng; còn con tên Lâm Hồng Â, sinh ngày 16/7/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về chia tài chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết

- Ý kiến của Lâm Mai P1 có lời khai như sau: Mai P1 là con chung của bà Sô P và ông H. Nếu cha mẹ ly hôn thì Mai P1 có nguyện vọng sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ ăn của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sô P về việc yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn H.

Do yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị Sô P với ông Lâm Văn H không được chấp nhận nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Sô P chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Sô P. Lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông H có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Sô P và ông H chung sống với nhau vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của bà Sô P và ông H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét thấy, gia đình là tế bào của xã hội, hôn nhân là công cụ bảo vệ và nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, bảo vệ mối quan hệ hôn nhân gia đình chính là góp phần làm phát triển xã hội. Do đó, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

[4] Xét mâu thuẫn giữa bà Sô P và ông H: Bà Sô P cho rằng hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh

phúc, hôn nhân trầm trọng không thể kéo dài và bà P còn cho rằng ông H thường hay nói xấu bà với hàng xóm. Đối với ông H cho rằng giữa ông và bà Sô P không có mâu thuẫn gì hết mà chỉ cải vài chuyện nhỏ trong gia đình thôi chứ không có gì lớn. Vấn đề này thấy rằng, từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, bà Sô P không tìm giải pháp để xây dựng gia đình hạnh phúc mà cương quyết ly hôn với ông H nhưng bà không chứng minh được mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo yêu cầu của Tòa án. Ngược lại ông H tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc và lo nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó, nếu bà Sô P và ông H ly hôn thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của con của ông bà. Đồng thời, qua xác minh mâu thuẫn giữa bà Sô P và ông H đối với người thân và chính quyền địa phương đều khẳng định giữa bà Sô P và ông H không có mâu thuẫn gì lớn mà có đôi lúc hay cải vặt và hiện nay thì cả hai vẫn còn sống cùng nhà. Từ trước đến nay, không nghe dư luận gì về việc họ có cự cải dẫn đến chính quyền địa phương phải làm việc.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy bà Sô P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với ông H là chưa có đủ căn cứ để chấp nhận.

[5] Do chưa có căn cứ cho bà Sô P và ông H ly hôn nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Sô P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sô P về việc yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn H.

Do yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị Sô P với ông Lâm Văn H không được chấp nhận nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Thạch Thị Sô P phải chịu án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng này được khấu trừ vào số tiền bà Thạch Thị Sô P đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008712 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà Thạch Thị Sô P đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Thạch Thị Sô P và ông Lâm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai